

Số: 81/2021_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh năm 2021 đã kiểm toán.

Tp Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, sản lượng bán hàng giảm so với năm 2020 tuy nhiên lợi nhuận sau thuế tăng. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của năm 2021 tăng so với năm 2020 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2021	Số liệu năm 2020	Chênh lệch (VNĐ)
	đã kiểm toán	đã kiểm toán	
	1	2	3=2-1
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	67.221.572.497	92.249.653.238	(25.028.080.741
2 Doanh thu hoạt động tài chính	18.189.325.900	24.012.367.465	(5.823.041.565
3 Chi phí tài chính	8.480.907.423	54.833.553.089	(46.352.645.666
4 Chi phí bán hàng	14.939.782.834	10.672.015.477	4.267.767.357
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.487.487.077	31.662.320.386	(11.174.833.309
6 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41.502.721.063	19.094.131.751	22.408.589.312
7 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.580.792.882	19.184.510.672	22.396.282.210
8 Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.078.626.564	1.013.200.358	6.065.426.206
9 Lợi nhuận sau thuế TNDN	34.502.166.318	18.171.310.314	16.330.856.004

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp giảm 25.028.080.741 đồng nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng bán hàng giảm và do Công ty giảm giá bán hàng cho các Công ty con.
- Doanh thu tài chính giảm 5.823.041.565 đồng do trong năm 2021 khoản thu nhập từ hoạt động nhận lợi nhuận từ Công ty con, Công ty liên kết chuyển về Công ty giảm so với năm 2020.
- Chi phí tài chính giảm 46.352.645.666 nguyên nhân chủ yếu do giảm chi phí lãi vay, giảm lỗ chênh lệch tỉ giá và giảm chi phí trích lập dự phòng đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết.
- Chi phí bán hàng tăng 4.267.767.357 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí thuê kho chứa và chi phí bảo lãnh thanh toán tăng so với năm trước.
- Chi phí quản lý giảm 11.174.833.309 đồng nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2021 chi phí dự phòng, chi phí quản lý khác giảm so với năm trước.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên có sự chênh lệch tăng lợi nhuận sau thuế là 16.330.856.004 đồng.

Trân trọng.



TRẦN MINH LOAN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch
Ông Trần Minh Loan	Thành viên
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Ông Yasuyoshi Kasahara.	Trưởng ban
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

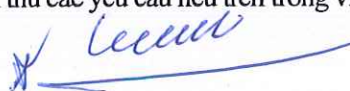
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,





Trần Minh Loan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2022

Số: 97/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 27/3/2022, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQCN-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2022*

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.032.558.855.570	730.016.690.075
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	163.633.204.838	14.559.050.744
1. Tiền	111		33.633.204.838	14.559.050.744
2. Các khoản tương đương tiền	112		130.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.578.357.615	36.078.357.615
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	100.578.357.615	36.078.357.615
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		755.345.332.584	677.277.183.498
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	527.233.949.642	447.031.896.968
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	16.655.750.132	9.233.975.357
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	199.240.782.000	3.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	12.214.850.810	219.311.311.173
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	-	(1.300.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	11.083.368.819	568.226.592
1. Hàng tồn kho	141		11.083.368.819	568.226.592
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.918.591.714	1.533.871.626
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.918.591.714	1.533.871.626
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		799.035.389.636	816.637.386.226
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.616.842.000	28.301.302.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	28.987.320.000	18.337.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	9.629.522.000	9.963.982.000
II. Tài sản cố định	220		1.669.291.594	455.844.212
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.669.291.594	455.844.212
- Nguyên giá	222		2.473.923.091	846.712.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(804.631.497)	(390.867.970)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.749.940.837	2.547.654.229
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	10.749.940.837	2.547.654.229
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		686.376.302.212	723.326.989.908
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	655.596.076.007	655.596.076.007
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2	74.056.055.625	15.952.715.625
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(43.275.829.420)	(53.221.801.724)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	-	105.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		61.623.012.993	62.005.595.877
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	61.623.012.993	62.005.595.877
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.831.594.245.206	1.546.654.076.301

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.338.996.568.522	1.069.888.794.935
I. Nợ ngắn hạn	310		1.150.091.568.522	901.303.994.935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	603.472.723.822	246.387.538.985
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.682.571.525	4.507.864.374
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.873.391.123	1.323.768.821
4. Phải trả người lao động	314		452.983.272	467.675.504
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	13.512.397.832	2.835.046.041
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	2.509.145.956	965.667.118
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	519.569.481.084	644.797.560.184
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
II. Nợ dài hạn	330		188.905.000.000	168.584.800.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	188.905.000.000	168.584.800.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		492.597.676.684	476.765.281.366
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	492.597.676.684	476.765.281.366
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		117.462.378.468	101.629.983.150
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		82.960.212.150	83.458.672.836
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34.502.166.318	18.171.310.314
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.831.594.245.206	1.546.654.076.301

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Lại Văn Tú

Kế toán trưởng

Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc

Trần Minh Loan



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.562.468.317.500	1.910.483.565.368
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.562.468.317.500	1.910.483.565.368
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.495.246.745.003	1.818.233.912.130
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		67.221.572.497	92.249.653.238
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	18.189.325.900	24.012.367.465
7. Chi phí tài chính	22	6.4	8.480.907.423	54.833.553.089
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.603.075.735	24.731.541.804
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	14.939.782.834	10.672.015.477
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	20.487.487.077	31.662.320.386
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		41.502.721.063	19.094.131.751
11. Thu nhập khác	31		84.761.611	90.378.921
12. Chi phí khác	32		6.689.792	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		78.071.819	90.378.921
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		41.580.792.882	19.184.510.672
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	7.078.626.564	1.013.200.358
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		34.502.166.318	18.171.310.314

Người lập biểu

Lại Văn Tú

Kế toán trưởng

Lại Văn Tú

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc

Trần Minh Loan



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.580.792.882	19.184.510.672
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		413.763.527	961.283.281
- Các khoản dự phòng	03		(9.945.972.304)	25.924.601.383
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		969.111.009	(549.611.685)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.789.200.159)	(21.638.281.694)
- Chi phí lãi vay	06		17.603.075.735	24.731.541.804
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.831.570.690	48.614.043.761
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		111.243.571.983	(133.686.658.359)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.515.142.227)	10.399.371.796
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		357.338.349.531	26.788.480.594
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.137.204)	8.282.329.503
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.925.723.944)	(25.416.756.903)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.950.000.000)	(7.104.410.032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		485.020.488.829	(72.123.599.640)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.701.838.016)	(481.772.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	4.818.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(472.365.782.000)	(133.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		305.875.000.000	26.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(58.103.340.000)	(71.439.782.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.152.721.090	15.564.032.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(217.143.238.926)	(159.039.339.523)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ cho vay	33		2.278.136.664.022	1.814.299.606.424
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.379.807.093.122)	(1.554.908.318.474)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.152.555.700)	(18.642.491.630)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(118.822.984.800)	240.748.796.320
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		149.054.265.103	9.585.857.157
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14.559.050.744	4.973.284.742
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		19.888.991	(91.155)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	163.633.204.838	14.559.050.744

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 11 người (tại ngày 31/12/2020 là 18 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,57%	98,57%	98,57%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	67,56%	67,56%	67,56%
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Tổ 92, Lô 8 A1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh (i)	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
8	Công ty Cổ phần Liên doanh Hưởng Dương Machidas Gas (i)	81 Phạm Thế Hiển, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,98%	99,98%	99,98%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

S TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty liên kết						
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xã Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Áp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
7	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 456C/8, Khu phố Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
8	Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	số 133/1A Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 2, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%

(i) Tại ngày 29/4/2021, Công ty Cổ phần Liên doanh Hương Dương Machida Gas đã làm thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (vay): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm
04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán riêng theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh phát hành

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí vỏ bình gas

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc chốt danh sách quyền nhận cổ tức.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	37.356.032	1.181.010.892
Tiền gửi ngân hàng	33.595.848.806	13.378.039.852
Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (i)	130.000.000.000	-
Tổng	163.633.204.838	14.559.050.744

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Sài Gòn, với lãi suất áp dụng là 3,7%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	100.578.357.615	100.578.357.615	36.078.357.615	36.078.357.615
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	100.578.357.615	100.578.357.615	36.078.357.615	36.078.357.615
Dài hạn	-	-	105.000.000.000	105.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	105.000.000.000	105.000.000.000
Tổng	100.578.357.615	100.578.357.615	141.078.357.615	141.078.357.615

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 4,7%/năm đến 5,7%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Tỷ lệ Vốn năm giữ biểu quyết	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			655.596.076.007	(40.436.197.091)	655.596.076.007	(50.281.771.542)
Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	98,57%	98,57%	142.307.241.235	(i)	142.307.241.235	(i)
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Định	100,00%	100,00%	443.340.459.992	(i)	443.340.459.992	(i)
Công ty Cổ phần MT Gas (ii)	67,56%	67,56%	35.699.374.780	(17.888.759.877)	35.699.374.780	18.727.918.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	80,00%	80,00%	6.000.000.000	(i)	6.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	(i)	28.249.000.000	(i)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con (trang trước chuyển sang)						
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết						
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	35,00%	10.725.395.625	(i)	-	10.725.395.625	(i)
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	1.470.000.000	(i)	(449.632.329)	1.470.000.000	(i)
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	2.385.320.000	(i)	(2.390.000.000)	2.385.320.000	(i)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	49,00%	1.372.000.000	(i)	-	1.372.000.000	(i)
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas (iii)	49,00%	7.513.340.000	(i)	-	-	(i)
Công ty TNHH LPG Tiên Phát (iii)	49,00%	2.940.000.000	(i)	-	-	(i)
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lông Hoàng Anh (iv)	35,00%	13.650.000.000	(i)	-	-	(i)
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông (v)	20,00%	34.000.000.000	(i)	-	-	(i)
Tổng		729.652.131.632	-	(43.275.829.420)	671.548.791.632	-
						(53.221.801.724)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2021 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas trên cơ sở giá đóng cửa của cổ phiếu trên Hệ thống giao dịch UpCOM và số lượng cổ phần Công ty sở hữu tại ngày 31/12/2021.
- (iii) Công ty nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas và Công ty TNHH LPG Tiến Phát căn cứ trên Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 02/BBHĐQT-ASP/2021 ngày 27/01/2021.
- (iv) Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hoàng Anh căn cứ trên Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 08/BBHĐQT-ASP/2021 ngày 10/5/2021.
- (v) Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần LPG Biển Đông căn cứ trên Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 12/BBHĐQT-ASP/2020 ngày 20/11/2020.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	527.233.949.642	447.031.896.968
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	-	64.705.392.180
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	351.070.740.555	269.264.748.370
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	8.605.811.062	18.437.345.856
Công ty Cổ phần MT Gas	22.170.277.751	18.341.358.723
Công ty Cổ Phần Gas Thủ Đức	65.957.600.002	31.651.404.787
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	7.124.367.640	13.471.441.844
Công ty TNHH Sopet Gas One	8.438.999.844	3.784.327.475
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	11.455.711.819	-
Công ty TNHH Hyosung Quảng Nam	7.725.290.221	-
Công ty TNHH Hải Linh	9.210.633.250	6.817.134.600
Phải thu các đối tượng khác	35.474.517.498	20.558.743.133
Tổng	527.233.949.642	447.031.896.968

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

401.898.472.313

363.061.388.435

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	7.352.057.364	7.452.057.364
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	5.707.200.000	-
Các đối tượng khác	2.296.492.768	481.917.993
Tổng	16.655.750.132	9.233.975.357

Trong đó:

*Trả trước cho người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*

5.707.200.000

-

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	199.240.782.000	3.000.000.000
Ông Nguyễn Thế Giáp (i)	2.600.000.000	2.600.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ Gas Nguyễn Trọng Nghệ	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh (ii)	195.215.782.000	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (iii)	1.425.000.000	-
Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Đình	-	200.000.000
Dài hạn	28.987.320.000	18.337.320.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (iii)	6.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (v)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (vi)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (vii)	8.217.320.000	8.217.320.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (iv)	4.000.000.000	-
Tổng	228.228.102.000	21.337.320.000

Trong đó:

*Phải thu về cho vay từ các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*

214.978.102.000

18.337.320.000

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo Hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Ngày 16/5/2021, Công ty và ông Nguyễn Thế Giáp có thỏa thuận gia hạn khoản vay thêm 12 tháng kể từ ngày 16/5/2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh bao gồm:

+ Cho vay theo Hợp đồng số 2602/2021/HĐCV/ASP-BM ngày 26/02/2021 với số tiền vay là 193.215.782.000 VND, lãi suất tiền vay là 3,4%/năm, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay: từ ngày nhận tiền vay đến 25/5/2022. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

+ Cho Công ty Cổ phần Liên doanh Hướng Dương Machida Gas (nay đã sáp nhập vào Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh) vay theo Hợp đồng số 1603/2021/HĐCV/ASP-HDMG ngày 16/3/2021, lãi suất tiền vay là 3,9%/năm, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay từ ngày nhận tiền vay đến 15/9/2021. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021 với số tiền vay là 9.500.000.000 VND, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 01 tháng 01 hàng năm dương lịch. Thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày nhận nợ đến hết ngày 31/3/2027. Tiền gốc được hoàn trả định kỳ với mỗi kỳ hoàn trả kéo dài 3 tháng, với ngày trả nợ gốc đầu tiên là 30/6/2021. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iv) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021 với số tiền vay là 4.000.000.000 VND, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

(v) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 5.520.000.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt.

(vi) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 4.600.000.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Vinh Quang.

(vii) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 8.217.320.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Tân Đại Phát.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	12.214.850.810	-	219.311.311.173	-
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	1.925.000.000	-
Phải thu ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	3.127.442.922	-	9.628.452.928	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	4.431.872.987	-	9.770.393.918	-
Phải thu ông Phạm Huy Hoàng	213.360.000	-	213.360.000	-
Công ty CP Thương mại Gas Bình Minh - Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	-	-	193.215.782.000	-
Các cổ đông tại Công ty CP LPG Biển Đông	-	-	2.499.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.001.674.901	-	83.849.134	-
Ký cược, ký quỹ	1.040.500.000	-	1.540.500.000	-
Phải thu khác	-	-	34.973.193	-
Dài hạn	9.629.522.000	-	9.963.982.000	-
Ký cược, ký quỹ	3.164.522.000	-	2.998.982.000	-
Phải thu Ông Trần Quốc Bửu (iv)	1.685.000.000	-	2.185.000.000	-
Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa (v)	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
Tổng	21.844.372.810	-	229.275.293.173	-
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	5.716.398.267	-	205.169.234.928	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Phải thu ngắn hạn khác (Tiếp theo)

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Phạm Huy Hoàng thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư tại Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát.

(iv) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

(v) Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

5.7 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi, trong đó:				
Công ty Cổ phần Công Nghệ An Toàn Dầu Khí Việt Nam	-	-	1.300.000.000	-
Tổng	-	-	1.300.000.000	-

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	11.083.368.819	-	568.226.592	-
Tổng	11.083.368.819	-	568.226.592	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	1.918.591.714	1.533.871.626
Chi phí bảo lãnh phát hành	1.658.852.214	948.968.961
Chi phí sửa chữa	-	224.676.349
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	209.029.000	209.029.000
Các khoản khác	50.710.500	151.197.316
Dài hạn	61.623.012.993	62.005.595.877
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	55.346.772.993	57.366.635.877
Chi phí thuê kho bãi	6.276.240.000	4.638.960.000
Tổng	63.541.604.707	63.539.467.503

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.

5.10 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	846.712.182	846.712.182
Tăng trong năm	1.627.210.909	1.627.210.909
Mua trong năm	1.627.210.909	1.627.210.909
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	2.473.923.091	2.473.923.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	390.867.970	390.867.970
Tăng trong năm	413.763.527	413.763.527
Khấu hao trong năm	413.763.527	413.763.527
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	804.631.497	804.631.497
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	455.844.212	455.844.212
Tại ngày 31/12/2021	1.669.291.594	1.669.291.594

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí đầu tư dự án chuyển đổi số	10.749.940.837	2.547.654.229
Tổng	10.749.940.837	2.547.654.229

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	597.838.774.785	597.838.774.785	235.776.156.155	235.776.156.155
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP	-	-	5.531.609.050	5.531.609.050
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam - Chi nhánh Miền Nam	3.498.099.892	3.498.099.892	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	2.135.849.145	2.135.849.145	5.079.773.780	5.079.773.780
Tổng	603.472.723.822	603.472.723.822	246.387.538.985	246.387.538.985

Trong đó

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	Phải nộp	1.323.768.821	17.946.141.458	13.396.519.156
Thuế giá trị gia tăng	1.084.712.166	8.025.784.067	7.445.937.199	1.664.559.034
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.031.703.306	1.031.703.306	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.200.358	7.078.626.564	2.950.000.000	4.141.826.922
Thuế thu nhập cá nhân	225.856.297	1.180.636.383	1.339.487.513	67.005.167
Các khoản thuế khác	-	625.391.138	625.391.138	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	13.512.397.832	2.835.046.041
Tổng	13.512.397.832	2.835.046.041
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	983.234.125
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.509.145.956	965.667.118
Kinh phí công đoàn	9.014.750	22.981.545
Bảo hiểm y tế	3.203.526	-
Cổ tức phải trả	2.346.959.069	829.743.769
Phải trả, phải nộp khác	149.968.611	112.941.804
Tổng	2.509.145.956	965.667.118

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	519.569.481.084	519.569.481.084	2.258.805.464.022	2.384.033.543.122	644.797.560.184	644.797.560.184
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	104.695.221.587	104.695.221.587	306.274.227.816	340.534.302.325	138.955.296.096	138.955.296.096
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	302.867.144.538	302.867.144.538	1.676.489.925.764	1.635.573.189.021	261.950.407.795	261.950.407.795
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	74.579.464.959	74.579.464.959	228.440.510.442	282.416.101.776	128.555.056.293	128.555.056.293
Saisan Co., Ltd.	-	-	-	67.164.000.000	67.164.000.000	67.164.000.000
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)	8.649.000.000	8.649.000.000	9.154.000.000	9.769.000.000	9.264.000.000	9.264.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	28.778.650.000	28.778.650.000	38.446.800.000	48.576.950.000	38.908.800.000	38.908.800.000
Vay dài hạn	188.905.000.000	188.905.000.000	67.921.000.000	47.600.800.000	168.584.800.000	168.584.800.000
Saisan Co., Ltd.	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)	23.390.000.000	23.390.000.000	140.000.000	9.154.000.000	32.404.000.000	32.404.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	165.515.000.000	165.515.000.000	67.781.000.000	38.446.800.000	136.180.800.000	136.180.800.000
Tổng	708.474.481.084	708.474.481.084	2.326.726.464.022	2.431.634.343.122	813.382.360.184	813.382.360.184

Trong đó:

Vay các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

67.164.000.000 67.164.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(i) Hợp Đồng tín dụng tuân hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019:

- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 15.500.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;
- Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
- Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
- Ngày hết hạn giải ngân: 25/3/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
- Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

(ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19, và phụ lục Hợp đồng tín dụng số FL/012/20 ngày 13/3/2020 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn mức tín dụng sẽ không vượt quá 12.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
- Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
- Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
- Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 13/3/2020 đến ngày 15/3/2021, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
- Biện pháp bảo đảm: Thư bảo lãnh được cấp bởi Công ty Saisan.

(iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017 và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 01 ngày 24/12/2019:

- Hạn mức tín dụng là 13.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
- Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
- Mục đích : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
- Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iv) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay: 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
- Mục đích của khoản vay: cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Phương thức trả nợ: Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(v) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay: 8.400.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	102.128.443.836	477.263.742.052
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	18.171.310.314	18.171.310.314
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.669.771.000)	(18.669.771.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	101.629.983.150	476.765.281.366
Số dư tại ngày 01/01/2021	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	101.629.983.150	476.765.281.366
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	34.502.166.318	34.502.166.318
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(18.669.771.000)	(18.669.771.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	117.462.378.468	492.597.676.684

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/4/2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 500 VND/cổ phiếu. Tổng số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sử dụng để chia có tức là 18.669.771.000 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức đã chia	18.669.771.000	18.669.771.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 (Trình bày lại) VND
Doanh thu bán LPG	2.547.989.081.454	1.894.420.221.978
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	8.353.873.800	8.353.873.800
Doanh thu cho thuê kho, trạm nạp LPG và cung cấp dịch vụ khác liên quan	6.125.362.246	7.709.469.590
Tổng	2.562.468.317.500	1.910.483.565.368
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>1.918.770.482.583</i>	<i>1.336.716.286.079</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 (Trình bày lại) VND
Giá vốn bán LPG	2.482.745.704.526	1.803.764.174.394
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	7.796.662.884	7.796.662.884
Giá vốn cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	4.704.377.593	6.673.074.852
Tổng	2.495.246.745.003	1.818.233.912.130

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.181.200.159	10.232.902.773
Cổ tức, lợi nhuận được chia	708.000.000	11.319.340.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.300.125.741	2.460.121.392
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.300
Tổng	18.189.325.900	24.012.367.465
<i>Trong đó</i>		
<i>Lãi tiền cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>5.466.487.105</i>	<i>25.151.389</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	17.603.075.735	24.731.541.804
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	392.294.394	3.445.728.116
Dự phòng tổn thất đầu tư	(9.945.972.304)	25.924.601.383
Phí bảo lãnh tín dụng	431.509.598	731.681.786
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	-
Tổng	8.480.907.423	54.833.553.089
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lãi vay từ các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>335.679.833</i>	<i>3.345.804.323</i>

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí bán hàng	14.939.782.834	10.672.015.477
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	7.820.405.161	5.163.797.532
Chi phí bảo lãnh mua hàng	4.971.917.949	3.221.538.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.147.459.724	2.286.679.711
Chi phí quản lý	20.487.487.077	31.662.320.386
Chi phí nhân viên quản lý	8.783.714.670	8.916.825.015
Chi phí vật liệu quản lý	45.692.821	78.899.994
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.275.000	153.584.035
Chi phí khấu hao TSCĐ	413.763.527	135.436.206
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	-	9.443.147.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.927.466.535	4.304.481.348
Chi phí bằng tiền khác	6.293.574.524	8.625.946.230
Tổng	35.427.269.911	42.334.335.863

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.580.792.882	19.184.510.672
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm		
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	6.689.792	-
<i>Chi phí không được trừ</i>	1.267.639.495	11.182.457.995
<i>Chi phí lãi vay vượt mức khống chế theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020</i>	-	4.132.422.812
<i>Chi phí lãi vay được chuyển từ năm tài chính trước theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020</i>	(6.753.989.348)	-
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	(708.000.000)	(11.319.340.000)
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	35.393.132.821	23.180.051.479
<i>Lỗ được kết chuyển</i>	-	(18.114.049.691)
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	35.393.132.821	5.066.001.788
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.078.626.564	1.013.200.358
Tổng	7.078.626.564	1.013.200.358

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.967.821	232.484.029
Chi phí nhân công	8.783.714.670	8.916.825.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	413.763.527	961.283.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.566.626.962	20.838.620.365
Chi phí khác bằng tiền	6.297.574.524	27.261.647.781
Tổng	40.126.647.504	58.210.860.471

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các cam kết

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Năm thứ nhất	8.580.711.636	2.356.363.636
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	14.045.243.637	11.781.818.182
Từ năm thứ năm trở đi	-	1.767.272.727
Tổng	22.625.955.273	15.905.454.545

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp
3	Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp
4	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con trực tiếp
5	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp
6	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
7	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
8	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
9	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
11	Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên kết

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Minh Loan	Thành viên HĐQT	72.000.000	-

Thù lao của thành viên Ban Kiểm toán nội bộ (i)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Yasuyoshi Kasahara	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/4/2021, Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị không có quốc tịch Việt Nam và Ban Kiểm toán nội bộ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc kiêm người phụ trách quản trị Công ty	461.951.452	866.907.580
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Trưởng phòng kế toán	642.662.649	718.406.202
Ông Cao Văn Anh	Trưởng ban Kế hoạch tài chính	794.613.244	206.290.507
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng ban kiểm tra	962.553.486	1.111.094.264
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	452.953.010	104.577.706
Ông Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin	788.410.386	871.160.373

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Phí gửi kho, cước vận chuyển LPG	-	271.096.193
Công ty Cổ phần MT Gas Saisan Co., Ltd.	Phí gửi kho LPG	641.992.568	507.317.109
	Phí bảo hiểm	189.518.201	229.643.442
	Phí bảo lãnh tín dụng	925.353.562	599.516.970
	Chi phí khác	895.277.500	556.091.642
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Phí gửi kho LPG	-	113.055.299
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Bán LPG	715.832.857.967	602.059.456.913
	Bán tài sản cố định	-	4.818.181.818
Cho thuê bồn, chai, trạm nạp và các dịch vụ khác		14.810.849.675	-
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Bán LPG	886.914.538.350	563.055.432.500
Công ty Cổ phần MT Gas	Bán LPG	155.502.643.435	114.867.011.310
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán LPG	60.726.438.437	50.862.451.416
Chi nhánh Công ty TNHH Năng Lượng Sài Gòn - Nhà Máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Bán LPG	1.013.783.449	1.053.752.122
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Bán LPG	51.006.476.044	-
Công ty TNHH LPG Biển Đông	Bán LPG	32.962.895.226	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<u>Cho vay</u>			
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Tiền gốc cho vay đã chi trong năm (của Công ty Cổ phần Liên doanh Hướng Dương Machida Gas)	2.000.000.000	-
	Lãi cho vay ghi nhận trong năm (của Công ty Cổ phần Liên doanh Hướng Dương Machida Gas)	8.761.644	-
	Tiền gốc cho vay đã chi trong năm	193.215.782.000	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Lãi cho vay đã ghi nhận trong năm	5.135.723.063	-
	Tiền gốc cho vay đã chi trong năm	9.500.000.000	-
	Lãi cho vay đã ghi nhận trong năm	307.988.699	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Beta Gas	Tiền gốc cho vay đã chi trong năm	3.000.000.000	-
	Lãi cho vay đã ghi nhận trong năm	14.013.699	-
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Tiền gốc cho vay đã thu hồi trong năm	-	8.000.000.000
	Lãi cho vay đã ghi nhận trong năm	-	25.151.389
<u>Đi vay</u>			
Saisan Co., Ltd.	Chi phí lãi vay	335.679.833	3.345.804.323
	Tiền gốc vay đã trả trong kỳ	67.164.000.000	-
	Tiền gốc vay đã nhận trong kỳ	-	67.164.000.000
<u>Giao dịch khác</u>			
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Cổ tức đã ghi nhận trong năm	-	7.000.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hongvina	Cổ tức đã ghi nhận trong năm	-	4.319.340.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan		31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		401.898.472.313	363.061.388.435
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Bán LPG	-	64.705.392.180
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Bán LPG	351.070.740.555	269.264.748.370
Công ty Cổ Phần MT Gas	Bán LPG	22.170.277.751	18.341.358.723
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Bán LPG	1.073.621.757	444.277.092
Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Bán LPG	191.317.381	116.915.511
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán LPG	22.563.418.011	10.188.696.559
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Bán LPG	4.829.096.858	-
<u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u>		5.707.200.000	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Tạm ứng tiền mua vỏ chai LPG	5.707.200.000	-
<u>Phải thu khác ngắn hạn (Trình bày lại)</u>		5.716.398.267	205.169.234.928
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Lợi nhuận phải thu	-	1.925.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Tiền chuyển nhượng cổ phần	-	193.215.782.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Phải thu lãi cho vay	2.221.849.490	-
Saisan Co., Ltd.	Phải thu lãi cho vay	39.867.466	-
Ông Lại Văn Tú	Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ	3.054.681.311	9.628.452.928
	Tiền ủy quyền mua cổ phần	400.000.000	400.000.000
<u>Phải thu về cho vay</u>		221.628.102.000	18.337.320.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Tiền gốc cho vay	195.215.782.000	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Tiền gốc cho vay	8.075.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Tiền gốc cho vay	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	Tiền gốc cho vay	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Tiền gốc cho vay	8.217.320.000	8.217.320.000
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		-	124.360.829
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Phí gửi kho LPG	-	124.360.829

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
<u>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</u>		4.682.571.525	-
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Ứng tiền mua LPG	4.682.571.525	-
<u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u>		-	983.234.125
Saisan Co., Ltd.	Lãi vay phải trả	-	983.234.125
<u>Vay và nợ thuê tài chính</u>		-	67.164.000.000
Saisan Co., Ltd.	Tiền gốc vay phải trả	-	67.164.000.000

7.3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Lại Văn Tú

Kế toán trưởng

Lại Văn Tú

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc

Trần Minh Loan